

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2021/HNGĐ-ST**

Ngày : 12/11/2021

V/v “*tranh chấp tài  
sản sau ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Pha.

*Các hội thẩm nhân:* Ông Nguyễn Ký và ông Nguyễn Thái Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Tân là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Đại, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp tài sản sau ly hôn*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Trịnh Q (Q), sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ: BK, xã K, huyện S, tỉnh Phú Yên.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố TĐ2, phường PT, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Trịnh Quý trình bày:* Ông Trịnh Q và bà Nguyễn Thị Th năm 2018 ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Phần tài sản chung của ông bà là diện tích đất 2.106m<sup>2</sup> tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38 tại BK, xã K, huyện S, tỉnh Phú Yên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kí hiệu BO 357222, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 000371 do UBND huyện S cấp ngày 16/11/2015 chưa được giải quyết. Nay ông Q khởi kiện đến Tòa án yêu cầu công nhận cho ông Q toàn quyền sử dụng tài sản chung này.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày có tại hồ sơ:* Bà Nguyễn Thị Th xác nhận bà và ông Trịnh Q có chung diện tích đất 2.106m<sup>2</sup> tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38 tại BK, xã K, huyện S, tỉnh Phú Yên. Năm 2018 bà và ông Q ly hôn, phần tài sản chung này chưa được giải quyết. Nay ông Q khởi kiện đến Tòa án yêu cầu công nhận diện tích đất này cho ông Q. Bà Th thống nhất giao cho ông Q toàn quyền sử dụng đối với diện tích đất này, bà Th không có tranh chấp gì. Do điều kiện đi lại khó khăn nên bà Th xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Trịnh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận 2.106m<sup>2</sup> tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38 tại BK, xã K, huyện S, tỉnh Phú Yên cho ông Q. Bị đơn Nguyễn Thị Th xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và HĐXX thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa. Căn cứ Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trịnh Q và bà Nguyễn Thị Th ly hôn năm 2018, phần tài sản chung là diện tích đất 2.106m<sup>2</sup> tại BK, xã K, huyện S nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Năm 2018, ông Trịnh Q và bà Nguyễn Thị Th ly hôn, phần tài sản chung là diện tích đất 2.106m<sup>2</sup> tại BK, xã K, huyện S, tỉnh Phú Yên đứng tên ông Trịnh Q và bà Nguyễn Thị Th chưa giải quyết. Ông Trịnh Q có yêu cầu công nhận diện tích đất này cho ông.

[2.2] Bị đơn Nguyễn Thị Th có ý kiến đồng ý giao cho ông Trịnh Q toàn quyền sử dụng diện tích nói trên và không có tranh chấp gì.

[2.3] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2021 xác định diện tích đất 2.106m<sup>2</sup> tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38 tại BK, xã K, huyện S, tỉnh Phú Yên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BO 357222, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 000371 do UBND huyện S cấp ngày 16/12/2015 hiện nay không có tranh chấp với ai khác, không có đăng ký thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho ai, đất không thuộc quy hoạch nào.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân gia đình, công nhận cho nguyên đơn được toàn quyền sử dụng diện tích đất này.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Trịnh Q tự nguyện chịu số tiền 2.000.000đ, nguyên đơn đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Trịnh Q phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, 157, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Q.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao cho nguyên đơn Trịnh Q được toàn quyền sử dụng diện tích đất 2.106m<sup>2</sup> tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38 tại BK, xã K, huyện S, tỉnh Phú Yên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kí hiệu BO 357222, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 000371 do UBND huyện S cấp ngày 16/11/2015.

Ông Trịnh Q được quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên thay đổi cấp quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh Q đối với diện tích đất 2.106m<sup>2</sup> nói trên theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Trịnh Q tự nguyện chịu số tiền 2.000.000đ, nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Về án phí: Ông Trịnh Q phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006368 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận 5 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sơn Hòa;
- Chi cục THADS huyện Sơn Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Pha**

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ký Nguyễn Thái Bình

Nguyễn Anh Pha